

Số: 51

Ngày 23/12/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 51 có các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 quy định điều chỉnh tỷ lệ phân bổ và sử dụng quỹ BHYT cụ thể như sau: Tăng mức phân bổ từ nguồn thu BHYT để chi cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh lên 92%; giảm số tiền dành cho quỹ dự phòng, chi tổ chức và hoạt động BHYT xuống 8% trong đó dành tối thiểu 4% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng.

➤ Luật Phòng, chống mua bán người quy định: Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người và đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh.

➤ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn: Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; cố ý công bố, cung cấp sai hoặc không công bố, không cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; phá hoại, cố ý làm sai lệch mốc quy hoạch đô thị và nông thôn; tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn không đúng quy định tại Luật này.

➤ Phần giải đáp pháp luật thực hiện giải đáp các nội dung xoay quanh Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định về tình giản biên chế.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

1. TỪ 01/7/2025, ĐIỀU CHỈNH TỶ LỆ PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ

Ngày 27/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15.

Sửa đổi, cập nhật đối tượng tham gia, bổ sung thêm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) bắt buộc như: Nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản; người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; người từ đủ 75 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng ...

Điều chỉnh tỷ lệ phân bổ và sử dụng quỹ BHYT cụ thể như sau: Tăng mức phân bổ từ nguồn thu BHYT để chi cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh lên 92%; giảm số tiền dành cho quỹ dự phòng, chi tổ chức và hoạt động BHYT xuống 8% trong đó dành tối thiểu 4% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng.

Bổ sung quy định cụ thể về chậm đóng, trốn đóng BHYT và các biện pháp xử lý đối với các trường hợp này: Chậm đóng BHYT là hành vi của người sử dụng lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây: Chưa đóng hoặc đóng chưa đầy đủ số tiền phải đóng BHYT kể từ sau ngày đóng BHYT chậm nhất quy định tại khoản 8 Điều 15 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48b của Luật này; không lập danh sách hoặc lập danh sách không đầy đủ số người

phải tham gia BHYT trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này; thuộc trường hợp không bị coi là trốn đóng BHYT theo quy định tại khoản 2 Điều 48b của Luật này.

Biện pháp xử lý hành vi chậm đóng BHYT bao gồm: Bắt buộc đóng đủ số tiền chậm đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền BHYT chậm đóng và số ngày chậm đóng vào quỹ BHYT; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; không xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Trốn đóng BHYT là hành vi của người sử dụng lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây: Sau 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật này mà người sử dụng lao động không lập danh sách hoặc lập danh sách không đầy đủ số người phải tham gia BHYT; đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng BHYT thấp hơn tiền lương quy định tại Điều 14 của Luật này; không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký BHYT sau 60 ngày kể từ ngày đóng BHYT chậm nhất theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Luật này và đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc theo quy định của Chính phủ; các trường hợp khác bị coi là trốn đóng BHYT theo quy định của Chính phủ.

Biện pháp xử lý hành vi trốn đóng BHYT bao gồm: Bắt buộc đóng đủ số tiền trốn đóng; nộp số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền BHYT

trốn đóng và số ngày trốn đóng vào quỹ BHYT; xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; không xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

2. QUỐC HỘI THÔNG QUA LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA, BÁN NGƯỜI

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người và đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác minh.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng chế độ hỗ trợ:

Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu: được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về tín ngưỡng, tôn giáo, độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, đặc điểm cá nhân của họ.

Hỗ trợ y tế: được khám sức khỏe khi tiếp nhận, được sơ cứu, cấp cứu nếu họ bị thương tích, tổn hại sức khỏe; trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân nếu cần được chăm sóc để phục hồi sức khỏe thì được hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Hỗ trợ phiên dịch: được hỗ trợ chi phí phiên dịch trong thời gian làm thủ tục xác minh là nạn nhân nếu không biết, không hiểu tiếng Việt.

Hỗ trợ pháp luật: bằng hình thức tư vấn để phòng ngừa bị mua bán trở lại, tư vấn làm thủ tục đăng ký cư trú, hộ tịch, làm thẻ căn cước, nhận chế độ hỗ trợ.

Trợ giúp pháp lý: bằng các hình thức theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý đối với nội dung có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người.

Hỗ trợ chi phí đi lại: được hỗ trợ chi phí tiền tàu, xe đi lại trong nước và tiền ăn trong thời gian đi đường nếu có nguyện vọng trở về nơi cư trú.

Hỗ trợ tâm lý: được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian không quá 03 tháng.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

3. TỪ NGÀY 01/7/2025, CÔNG KHAI QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN CHẬM NHẤT 15 NGÀY SAU PHÊ DUYỆT

Ngày 26/11/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.

Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn: Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn; cố ý công bố, cung cấp sai hoặc không công bố, không cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của Luật này; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu; phá hoại, cố ý làm sai lệch mốc quy hoạch đô thị và nông thôn; tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn không đúng quy định tại Luật này.

Bổ sung quy định về quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch phân khu đô thị,... Cụ thể, Quy hoạch chi tiết đô thị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Xác định chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với phạm vi lập quy hoạch; tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị và quy định về các công trình cần bảo tồn; bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội, nhà ở, nhà ở xã hội; bố trí công trình công cộng ngầm, công trình giao thông ngầm; quy định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đối với từng lô đất; giải pháp về bảo vệ môi trường.

Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt, nội dung của quy hoạch phải được công bố công khai; đối với những nội dung thuộc bí mật Nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước. Nội dung, tài liệu công bố quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; quyết định phê duyệt quy hoạch; các bản vẽ quy hoạch; thuyết minh quy hoạch; quy định quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn.

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

4. SẮP XẾP, TÍNH GỌN BỘ MÁY CỦA CHÍNH PHỦ, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Ngày 10/12/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 233/NQ-CP Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2024.

Về tình hình kinh tế, chú trọng thực hiện: Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; tập trung rà soát, tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách, huy động tối đa các nguồn lực xã hội; tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, quyết tâm hoàn thành cao nhất Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, tạo đà tăng tốc, bứt phá, phấn đấu đạt mục

tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025; quyết liệt, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; khẩn trương hoàn thiện, ban hành và triển khai các quy hoạch trong năm 2024; tập trung cao độ thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực trọng điểm; bảo đảm an ninh năng lượng, lương thực quốc gia; đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao ...

Về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Chính phủ quyết định: Đồng ý chủ trương về quan điểm, giải pháp và

các nguyên tắc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án điện năng lượng tái tạo các nội dung: bổ sung quy hoạch, thủ tục liên quan đến đất đai, nghiệm thu công trình xây dựng, hưởng giá FIT, dự án điện mặt trời mái nhà. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm về tính khách quan của số liệu trong báo cáo; Bộ Công Thương nghiên cứu, rà soát kỹ các trường hợp khó khăn, vướng mắc của dự án điện năng lượng tái tạo, đề xuất các cấp thẩm quyền xử lý từng loại vướng mắc, bảo đảm không xảy ra tiêu cực, lợi ích nhóm, không để lãng phí.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 10/12/2024.

5. HÀ NỘI PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030 TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG ĐẠT 8,5-9,5%/NĂM

Ngày 12/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 1569/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu phát triển đến năm 2030 của Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 8,5 - 9,5%/năm thời kỳ 2021 – 2030; quy mô dân số thường trú khoảng 10,5 - 11 triệu người; dân số vắng lai quy đổi khoảng 1,45 triệu người; tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia từ 85 - 90%; tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức dưới 3%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị dưới 3,5%; diện tích cây xanh đô thị phần đầu khoảng 10-12 m²/người. Phấn đấu đến năm 2050, GRDP bình quân đầu người của Thủ đô đạt

khoảng 45.000 - 46.000 USD; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80 - 85%.

Các giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển: Hoàn thiện cơ chế chính sách phối hợp các hoạt động đầu tư, phát triển giữa các địa phương trong vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng. Có cơ chế tập trung và phối hợp nguồn lực đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối trung tâm Thủ đô với các tỉnh trong vùng; phối hợp xây dựng các tuyến vành đai 4 và vành đai 5 kết nối các địa phương trong vùng Thủ đô. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Thủ đô.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12/12/2024.

6. PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030, ÍT NHẤT 80% HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH XỬ LÝ HOÀN TOÀN TRỰC TUYẾN

Ngày 17/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 1588/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Mục tiêu đến năm 2025 của Đề án Phổ biến dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Đề án): Tới thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; 50% người dân trường thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tới thiểu 90% người dân hài lòng khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh

vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%; Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về xếp hạng Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI) của Liên Hợp Quốc ...

Mục tiêu đến năm 2030 của Đề án: 100% cơ quan nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên tục cải tiến chất lượng để phục vụ người dân tốt nhất; 70% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% học sinh trung học phổ thông, sinh viên trên toàn quốc được phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua các hoạt động học tập, bồi dưỡng, tập huấn; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về xếp hạng Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (OSI) của Liên Hợp Quốc.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17/12/2024.

7. ĐẨY MẠNH CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIẢM PHIÊN HÀ CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Ngày 11/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 131/CD-TTg Về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm phiền hà, giảm chi phí tuân thủ ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt các công việc cụ thể như sau: Rà soát, loại bỏ ngay theo thẩm quyền những TTHC đang là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân. Đồng thời, khẩn trương xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền sửa đổi các văn bản QPPL theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản để cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, quy định kinh doanh và giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nêu tại văn bản số 6866/VPCP-KSTT ngày 26 tháng 9 năm 2024 về việc thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung các luật và văn bản số 7575/VPCP-KSTT ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung văn bản dưới luật. Công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để đội ngũ cán bộ, công chức và người dân, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; 100% hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và phải liên thông, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ sớm hoàn thành

việc nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC trong năm 2025.

Bộ Tư pháp - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan rà soát, đề xuất ưu tiên đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh các dự án luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt được nêu tại văn bản số 6866/VPCP-KSTT ngày 26 tháng 9 năm 2024 về việc thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung các luật.

Văn phòng Chính phủ tăng cường, phát huy vai trò thẩm tra, có ý kiến độc lập về quy định TTHC tại các đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL do các bộ, ngành, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025-2030, hoàn thành trong Quý I năm 2025; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ.

8. ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG DỊP TẾT DƯƠNG LỊCH VÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN

Ngày 12/12/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 132/CD-TTg nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Để nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao: Tập trung hoàn thiện, xây dựng lộ trình cụ thể, chuẩn bị các điều kiện triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật được thực hiện thống nhất, đồng bộ từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, tập trung vào đối tượng lứa tuổi học sinh và các bậc phụ huynh, vận động đến từng gia đình không giao xe cho học sinh khi chưa đủ điều kiện điều khiển; nâng cao ý thức, phẩm chất của lực lượng thực thi pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; đa dạng hóa hình thức, nội dung tuyên truyền pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, xây dựng văn hóa giao thông trong cộng đồng; chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành giao thông; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về giao thông giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (Công an, giao thông vận tải, thuế, hải quan...); chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch phòng ngừa tai nạn giao thông và giữ gìn trật tự, an toàn giao thông phục vụ Nhân dân đón Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Ất Tỵ và Lễ hội xuân 2025.

Bộ Công an chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông, hành vi vi phạm là nguyên nhân chính dẫn đến các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng (như vi phạm quy định về nồng độ cồn, ma túy, chở hàng quá khổ, quá tải trọng, “coi nói” thành thùng xe ...); đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm của xe mô tô kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa thông qua ứng dụng gọi xe trên mạng, xem xét trách nhiệm của đơn vị quản lý ứng dụng kết nối công nghệ khi có nhiều phương tiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các Trung tâm thông tin chỉ huy giao thông và Trung tâm giám sát, điều hành giao thông; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, hệ thống camera giám sát để phát hiện và xử lý vi phạm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự, an toàn giao thông; phát động phong trào toàn dân lên án, phát hiện và cung cấp tài liệu phản ánh vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông để lực lượng Cảnh sát giao thông xử lý theo quy định của pháp luật.

Bộ Giao thông vận tải đẩy mạnh thực hiện về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ với một số công trình hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng giao

thông, đặc biệt là các dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải; tiếp tục rà soát các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” tai nạn giao thông và các bất hợp lý trong tổ chức giao thông trên toàn quốc để đề ra phương án, kế hoạch, lộ trình giải quyết khắc phục. Xem xét, xử lý trách nhiệm các đơn vị đã được kiến nghị nhiều lần nhưng chậm khắc phục các “điểm đen”, “điểm tiềm ẩn” dễ xảy ra ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất đối với các cơ sở đào tạo lái xe. Nâng cao chất lượng công tác đăng kiểm, kiểm định phương tiện. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, sát hạch, quản lý lái xe và công tác đăng kiểm phương tiện.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới; vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa giao thông, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phối hợp phổ biến, hướng dẫn các kỹ năng tham gia giao thông an toàn, phòng tránh tai nạn giao thông cho người tham gia giao thông.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Ngày 18/12/2024, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 12/2024/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí dịch vụ sự nghiệp công chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị. Phương pháp xác định giá ca xe, máy và thiết bị thi công như sau:

Giá ca xe, máy và thiết bị thi công là mức chi phí bình quân cho một ca làm việc theo quy định của xe, máy và thiết bị thi công. Giá ca máy gồm toàn bộ hoặc một số khoản mục chi phí như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác.

Giá ca máy được xác định như sau: Lập danh mục máy xây dựng cần xác định giá ca máy trên cơ sở nhu cầu sử dụng máy trên địa bàn và phù hợp với hệ thống định mức do địa phương ban hành; xác định các khoản mục chi phí tính giá ca máy theo hướng dẫn.

Xác định chi phí khấu hao: Giá trị thu hồi là giá trị phần còn lại của máy sau khi thanh lý, được xác định như sau: Đối với máy có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên giá trị thu hồi tính bằng 10% nguyên giá; không tính giá trị thu hồi với máy có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xác định nguyên giá máy: Nguyên giá của máy để tính giá ca máy được xác định theo giá máy mới, phù hợp với mặt bằng thị trường của loại máy sử dụng để thực hiện công việc...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/02/2025.

10. QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày 19/12/2024, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư 115/2024/TT-BQP quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Bộ Quốc phòng.

Những nội dung thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành được công bố công khai trên hệ thống mạng truyền số liệu quân sự của Bộ Quốc phòng bao gồm: Tên nhiệm vụ; Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ; Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ; Lĩnh vực nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; Kết quả dự kiến; Thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc dự kiến.

Cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà không thực hiện một trong những nội dung dưới đây thì không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp quốc gia tương ứng trong thời gian ít nhất 01 năm tiếp theo cho đến khi hoàn thành các nội dung theo quy định: Cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành; đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu; báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Cục Khoa học quân sự lưu giữ hồ sơ tài liệu kết quả thực hiện nhiệm

vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ Quốc phòng, cấp quốc gia trong thời hạn 5 năm. Hết thời hạn này, hồ sơ được nộp về Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do mình quản

lý. Các thành viên tham gia nghiên cứu không lưu giữ hồ sơ tài liệu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 03/02/2025.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. DỰ THẢO QUY CHẾ TIỀN THƯỞNG CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Nhằm động viên, khích lệ kịp thời tạo động lực cho viên chức và người lao động của TTXVN nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, sẵn sàng nhận thêm nhiệm vụ, TTXVN đã xây dựng dự thảo Quy chế tiền thưởng. Quy chế này áp dụng đối với viên chức và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi tắt là cá nhân) hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước tại các đơn vị ở trong nước thuộc TTXVN. Theo đó, quy chế tiền thưởng được chia thành 02 hình thức là khen thưởng đột xuất và khen thưởng định kỳ. Nguyên tắc khen thưởng phải đảm bảo chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch. Chỉ khen thưởng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, nổi trội hoặc có kết quả tốt trong thực hiện nhiệm vụ bổ sung, phát sinh và mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và sự phát triển chung của Ngành. Mỗi thành tích công tác đột xuất chỉ đề xuất khen thưởng một lần ở một mức thưởng tương ứng với

thành tích cá nhân đạt được. Chưa xét khen thưởng đột xuất đối với cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xác định cá nhân không vi phạm và lập được thành tích đột xuất thì được xét thưởng, chi thưởng bổ sung ngay sau thời điểm kết luận. Đối với cá nhân bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, lập được thành tích đột xuất sẽ được xét khen thưởng đột xuất. Cụ thể, thưởng đột xuất là hình thức thưởng kịp thời bằng tiền ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Thành tích công tác đột xuất là thành tích cá nhân đạt được ở mức độ xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc thực hiện chương trình, nhiệm vụ công tác được cấp trên giao bổ sung, đột xuất và được thể hiện bằng sản phẩm, kết quả công việc cụ thể, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của TTXVN được lãnh đạo TTXVN/thủ trưởng đơn vị đề nghị thưởng đột xuất. Tiền thưởng thành tích công tác đột xuất được chia thành 03 mức. Cá nhân sẽ được chấm theo thang điểm dựa trên

các tiêu chí về độ khó khăn, phức tạp, yêu cầu về trình độ chuyên môn nhiệm vụ được giao; chất lượng sản phẩm, công việc hoàn thành; tiến độ hoàn thành; hiệu quả, sự lan tỏa, hiệu ứng tích cực; mức độ tham gia của cá nhân trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Cá nhân đạt 10 điểm (mức 1) được thưởng 05 lần mức lương cơ sở hiện hành; đạt từ 8-9 điểm (mức 2) được thưởng 03 lần mức lương cơ sở hiện hành và cá nhân đạt 6-7 điểm (mức 3) được thưởng 02 lần mức lương cơ sở hiện hành. Đối với hình thức khen thưởng định kỳ, cá nhân được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được thưởng mức bằng 3 lần mức tiền thưởng định kỳ cơ sở; hoàn thành tốt nhiệm vụ được thưởng bằng 2,4 lần mức tiền thưởng định kỳ cơ sở; hoàn thành nhiệm vụ được thưởng bằng mức tiền thưởng định kỳ cơ sở. Mức tiền thưởng định kỳ cơ sở = số tiền chi thưởng định kỳ của năm/ [(tổng số cá nhân xếp loại hoàn thành nhiệm vụ x 1,0)+(tổng số cá nhân xếp loại hoàn thành tốt x 2,4) + (tổng số cá nhân xếp loại hoàn thành xuất sắc x 3,0)].

2. ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI MỘT SỐ MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ, CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 40/2017/NĐ-CP quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị. Dự thảo đề xuất chi giải khát giữa giờ là 25.000 đồng/buổi (nửa ngày)/đại biểu. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp

mức 250.000 đồng/ngày/người tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương; 180.000 đồng/ngày/người tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố/huyện/thị xã trực thuộc tỉnh; riêng các cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức là 120.000 đồng/ngày/người. Trong trường hợp tổ chức ăn tập trung, mức khoán theo quy định không đủ chi phí, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi tiền ăn cho đại biểu khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức quy định trên; tối đa không quá 130% mức khoán. Đồng thời thực hiện thu từ tiền ăn, chi tiêu khác của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức khoán được quy định và được phép chi bù thêm phần chênh lệch. Bên cạnh đó, dự thảo đề xuất tiền ăn, chi tiêu khác để chi trả cho người đi công tác do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị. Mức tiền ăn, tiền chi tiêu khác để chi trả cho người đi công tác 250.000 đồng/ngày. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo được hưởng tiền ăn, tiền chi tiêu khác để chi trả cho người đi công tác mức 300.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo,

những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển,

đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất để chi trả cho người đi công tác.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Độ tuổi của viên chức được áp dụng chính sách nghỉ hưu trước tuổi?*

Trả lời: Theo Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định đối tượng tinh giản biên chế có độ tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên.

2. Hỏi: *Xin hỏi, đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế?*

Trả lời: Theo Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế gồm có:

+ Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc dôi dư do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện cơ chế tự chủ;

- Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác hoặc bố trí được việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức, viên chức có 01 năm xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản

biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ, chức danh do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị bãi nhiệm hoặc bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

+ Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời

hạn thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ do dự do sắp xếp lại tổ chức hoặc cơ cấu lại nhân lực của đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do dự do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do dự do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

3. Hỏi: Chính sách đối với viên chức nghỉ hưu trước tuổi có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì được hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

- Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

4. Hỏi: *Cách xác định thời gian và tiền lương để hưởng trợ cấp tinh giản biên chế?*

Trả lời: Theo Điều 10 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định cách xác định thời gian và tiền lương để hưởng trợ cấp tinh giản biên chế như sau:

- Tiền lương hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi tinh giản biên chế. Tiền lương tháng được tính bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng lao động hoặc mức lương của người quản lý công ty; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, tiền lương và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

- Tiền lương bình quân là tiền lương tháng bình quân của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản biên chế. Riêng đối với những

trường hợp chưa đủ 05 năm (chưa đủ 60 tháng) công tác có đóng bảo hiểm xã hội, thì tiền lương tháng bình quân của toàn bộ thời gian công tác.

- Thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh của đối tượng; trường hợp trong hồ sơ của đối tượng không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh của đối tượng.

- Thời gian để tính trợ cấp quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo số bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu tổng thời gian tính trợ cấp có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

- Thời gian để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 5, Điều 8 Nghị định này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm./.